

NHÀ BIA ĐỘC ĐÁO Ở NỀN CHÙA TỈNH LỰ TỈNH BẮC NINH

ĐD. THÍCH THANH CHIẾN

Chùa Tỉnh Lự trên núi Thiên Thời, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh vốn có từ thời Lý, được tu bổ lớn ở thời Lê, song trong chiến tranh đã bị phá hủy hoàn toàn. Rất may, trên nền cũ còn giữ được nguyên vẹn một nhà bia độc đáo từ đầu thế kỷ XVII, duy nhất còn thấy ở Việt Nam.

Địa thế xây dựng chùa như chính bia chùa đã viết: Chùa Tỉnh Lự xây ở lưng chừng núi, núi nổi giữa đồng bằng, có sông Thiên Đức uốn quanh,... chùa ở vị trí kỳ tú, nhưng quy mô còn nhỏ, nên chúa Thanh Vương Trịnh Tráng cho xây dựng lại. Đó là lời đoạn đầu bia Tích Lự thiên tự bị dựng năm Phúc Thái 6 (1648).

Khác hầu hết các nhà bia là một kiến trúc riêng bao trùm lên tấm bia, nhà bia chùa Tỉnh Lự lại chính là bản thân tấm bia, được dựng ở góc đăng trước nửa bên phải của nền chùa. Toàn bộ nhà bia đều bằng đá màu dài 1,90m, rộng 1,18m, chân dài 1,55m, rộng 0,71m. Nền nhà bia bằng đá có 3 cấp thu nhỏ dần, cấp dưới bị chìm, cấp giữa cao 0,2m kéo dài ra ngoài hồi nhà 1,2m, cấp trên cao 0,6m. Từ nền đá trở lên, nhà bia cao 2,20m, gồm tường hồi cao 1,71m và mái cao 0,49m. Hai tường hồi có kích thước như nhau: cao 1,71, rộng 0,71m và dày 0,155m. Ở giữa nhà bia dựng một tấm bia cao sát mái và hai bên trên gần sát hai hồi nhà kia. Bia cao 1,27m, rộng 1,12m, dày 0,17m, trong đó có phần trán bia cao 0,24m.

Bia dựng sát mái song lại có dạng trán cong hơi bẹt theo dáng bia thời Lê sơ. Mặt trước bia khắc bài văn "Tỉnh Lự thiên tự bi" với niên đại Phúc Thái thứ 6 (1648), mặt sau mang tên Trán bia hai mặt chạm trang trí tương tự, chỉ có hình mặt trời và những cụm

mây nhỏ. Nhưng hai hồi của nhà bia, ở mặt ngoài là hai bức phù điêu to, đề tài là điển tích cầu hiền.

Phần chạm ở mỗi lấm chiếm gần hết mặt hồi nhà, cao 1,40m, rộng 0,51m, chạm nổi 4,5cm, xung quanh để lại như một cái khung. Bên cạnh hình chạm đều có dòng chữ đề tên bức chạm.

Bức ở hồi bên trái mang tên "Y Doãn cạnh nội sản, sử thần hiệu phó quán", nói rõ điển tích Y Doãn là công thần đời nhà Thương, từng cày ruộng ở đất Hữu Sản. Vua Thang ba lần đến mời, ông mới chịu ra giúp vua Thang đánh vua Kiệt, diệt nhà Hạ, dựng nên cơ nghiệp nhà Thương. Vua Thang mất, cháu là Thái Giáp lên nối ngôi. Thấy Thái Giáp vô đạo ông bắt đem đi đày. Ba năm sau, khi Thái Giáp đã hồi lỗi, Y Doãn mới gọi về, giao ngôi vua lại cho Thái Giáp. Với nội dung ấy, nghệ sỹ giành phần trên của bức chạm diễn tả hai bàn tay vén mây để lộ ra đôi rồng lớn và bé ở tư thế nhào lộn, có phong cách nghệ thuật giữa thế kỷ XVII. Còn phần dưới của bức chạm thể hiện ông già râu dài ngồi dưới gốc tùng, phanh tà áo hở cả ngực và bụng, mặc quần thụng rộng, ngồi xếp bằng, bên cạnh có nậm rượu. Dưới bệ có con trâu nằm nghỉ bên cạnh chiếc cây. Đằng trước ông già có ba viên quan áo mũ chỉnh tề gồm một người quỳ lạy và 2 người đứng, đều đi chân đất.

Bức ở hai bên trái mang tên "Văn Vương Cầu hiền, Vũ Cát tiến tửu" thể hiện điển tích về Lã Vọng: ông đã 80 tuổi vẫn câu cá ở sông Vị. Vua sáng lập nhà Chu là Văn Vương đi săn, gặp ông, mừng rỡ rước về làm quân sư, tôn làm Thái công (cha), làm Thượng phụ (người kính trọng ngang với cha). Lã Vọng

giúp Văn Vương và con là Vũ Vương lập nên nghiệp nhà Chu. Với tích truyện trên, bức chạm này bố cục giống bức chạm trước: Phía trên cũng là đôi rồng từ màn mây nhô ra. Phía dưới có cụ già ngồi tựa cây tùng, mình trần nhưng mặc quần dài, trần cao, tóc mượt, đi chân hài xỏ, ngồi vắt chân chữ ngũ, bên cạnh có cây gậy trúc với sợi dây cuốn quanh. Bên trái cụ già có người hầu gái đang quạt cho cụ. Bên phải cụ già có người quý hần xuống dăng lên một khay có ấm bát, phía trước mặt cụ già còn có một người cao tuổi ăn vận lịch sự ở tư thế ngồi quý hơi nghiêng, ngoài là người lính mang vũ khí đứng giữ ngựa. Nền chân bức chạm là những lớp đất gập ghềnh và sóng nước mênh mông. Diện tích Y – Lã luôn đi với nhau như hai vế đối, chỉ những bề tôi giỏi. Kỹ thuật chạm trau chuốt, giống như ở lan can đá chùa Bút Tháp, có phần còn kỳ công hơn với độ nổi rất cao, ánh

sáng chiếu vào nổi khối rất rõ, với diện rộng, hình có nét đẹp phóng khoáng.

Theo nội dung văn bia, những người hưng công chùa là những quý tộc cao cấp nhất, trong đó có Thanh Vương (Trịnh Tráng). Thái thượng hoàng Lê Duy Dữ, Tây Quốc công Trịnh Tạc,... có cả bà Trịnh Thị Ngọc Trúc từng gần bó nhiều với chùa Bút Tháp cũng được xây dựng lớn vào lúc này.

Một điều rất thú vị là ngoài tác giả bài văn bia là Tuyên quận công Nguyễn Duy Thì, khắc bia là 3 người thợ đá xã Kinh Châu: Lê Đá, Nguyễn Sứ và Nguyễn Tích Trữ. Có thể tin chính họ là tác giả của những bức chạm này, vì thợ chạm bia không chỉ khắc thư mà còn chạm trang trí nữa, và như thế thợ cũng là nghệ sỹ■

Tài liệu tham khảo:

Sáng giá chùa xưa – Mỹ thuật Phật giáo

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN ...

(tiếp theo trang 86)

thuộc của bàn thờ. Bàn thờ nên bố trí đủ ngũ hành, khi bày lễ vật nhất là trái cây nên đủ ngũ sắc và theo bộ như đã nói ở trên, bên trái nên cắm hoa màu trắng, bên phải màu vàng đỏ, hồng. Khi châm hương, nếu bày tỏ sự kính trọng thì dùng một nén gọi là tâm hương, khi muốn thỉnh cầu việc gì nên dùng 3 nén, ba là số dương, là số động, động thì việc cầu xin sẽ chuyển. Những việc to lớn dùng 5 nén, không nên dùng số chẵn 2, 4, 6, 8 là các số tĩnh, số âm. Khi cúng lễ nên có lòng thành kính: giàu có mà cúng lễ sơ sài, qua loa, bởi bác Tổ tiên chê cười, nghèo mà tâm thành, ý kính dù chỉ có nén hương coi trầu, chén nước, thần linh, gia tiên vẫn chứng giám, độ trì cho gia chủ chứ không nhất thiết mâm cao cỗ đầy. Gia chủ thể hiện sự thành kính từ lúc mua đồ lễ đến cách bày biện và khi cúng lễ. Nếu đúng lòng thành sẽ thông linh được Tổ tiên được Tổ tiên che chở, nhắc bảo, nếu cúng qua loa cho

xong chuyện hay quá mê tín Tổ tiên cũng không chứng đắc. Thờ cúng là để tôn vinh, học tập đức tính truyền thống tốt đẹp của Tổ tiên, để tiếp nối cuộc sống của ông bà cha mẹ, để dòng đời không bị đứt quãng hay kết thúc. Nếu thờ cúng chỉ mong được toại nguyện những điều mong cầu mà không học tập, chăm chỉ lao động, sống không có nhân đức, bất hiếu, bất nghĩa, thì thờ phụng cũng vô ích. Ngược lại, khi thành đạt giàu có mà tự phụ cho rằng tài năng hơn người, không nhớ công sinh thành dưỡng dục, không nhớ gốc rễ nguồn cội Tổ tiên thì vinh hoa phú chỉ nhất thời, loài hoa sớm nở tối tàn, nước không có nguồn mà thôi.

Nguyễn Đình Chiểu một nhà thơ lớn, nhà văn hoá Việt Nam đã khái quát lên những câu thơ vừa là đạo lý vừa là triết lý dẫn dắt tinh thần cho người Việt:

Chở bao nhiêu đạo, thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian, bút chẳng tà
Thà dui mà giữ đạo nhà,
Còn hơn sáng mắt ông cha không thờ■